

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ ĐẠO ĐỨC KẾ TOÁN CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ VÀ KINH DOANH

PERCEPTION OF ECONOMICS AND BUSINESS UNDERGRADUATE STUDENTS ON
BUSINESS AND ACCOUNTING ETHICS EDUCATION

Ngày nhận bài: 24/08/2022

Ngày chấp nhận đăng: 25/9/2022

Đặng Hùng Vũ[✉], Trần Cao Minh Ngọc

TÓM TẮT

Nghiên cứu này đánh giá mức độ nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán tại một trường đại học phía Nam của Việt Nam. Dữ liệu được thu thập từ phỏng vấn 10 sinh viên và khảo sát 358 sinh viên đại học ngành kinh tế và kinh doanh năm nhất đến năm tư. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đều đánh giá cao tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán. Sinh viên có điểm tích lũy cao cũng nhận thức giáo dục đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kế toán quan trọng hơn. Sinh viên các năm 2, 3 và 4 đánh giá tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán cao hơn sinh viên năm 1. Sinh viên ngành Kế toán đánh giá cao giáo dục đạo đức kế toán hơn. Bên cạnh đó, sinh viên nữ đánh giá cao tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kế toán cao hơn nam. Cuối cùng, một vài kiến nghị được đề xuất liên quan đến giáo dục đạo đức kế toán và đạo đức kinh doanh.

Từ khóa: đạo đức kinh doanh, đạo đức kế toán, sinh viên, đại học.

ABSTRACT

This study investigates the perception of economics and business undergraduate students on the importance of business and accounting ethics education at a university in the South of Vietnam. Data was collected from interviews with 10 students and a survey of 358 undergraduate students majoring in economics and business in their first to fourth years. Research results show that students appreciate the importance of business and accounting ethics education. Students with higher GPA perceive business and accounting ethics education as more important. Students in years 2, 3 and 4 rate the importance of education in business and accounting ethics higher than students in year 1. Accounting students appreciate education in accounting ethics. Besides, female students appreciate the importance of accounting ethics education higher than male ones. Finally, several recommendations are proposed regarding business and accounting ethics education.

Keywords: business ethics, accounting ethics, students, undergraduate education.

1. Giới thiệu

Theo từ điển Cambridge, đạo đức kinh doanh là những luật lệ, nguyên tắc và tiêu chuẩn để quyết định điều gì là đúng hay sai về mặt đạo đức khi kinh doanh. Đây là những quy tắc mà bất cứ một đơn vị kinh doanh nào cũng cần phải tuân thủ để phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của xã hội và tuân thủ pháp luật.

Đạo đức kinh doanh là một phần không thể thiếu để tạo ra lợi nhuận trong môi trường

cạnh tranh, là quy tắc ứng xử không thể thiếu được với mọi doanh nghiệp (Phạm Xuân Thành, Trần Việt Hùng, Trần Thị Cẩm Hồng, Vũ Thị Thủy, & Phạm Thị Bích Hằng, 2019). Doanh nghiệp không chỉ muốn đánh bóng tên tuổi đối với khách hàng, đối tác mà còn cả nhân viên trong công ty (Nguyễn

Đặng Hùng Vũ, Trần Cao Minh Ngọc, Trường
Đại học An Giang, ĐHQG TP Hồ Chí Minh
[✉]Email: dhvu@agu.edu.vn

Hoàng Lan, 2004). Đối với doanh nghiệp kinh doanh phi đạo đức, hối lộ hay tham nhũng sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với lòng tin của các nhà đầu tư và tất cả mọi người ở Việt Nam (Nguyen, Mujtaba, Tran, & Tran, 2013)

Theo Hoàng Thị Thu Trang (2017, tr. 76), “*giáo dục đạo đức góp phần nâng cao nhận thức và hành động cho sinh viên*”. Có thể nói giáo dục đạo đức kinh doanh là điều không thể thiếu đối với sinh viên (SV) từ khi còn trên ghế nhà trường, điều này giúp cho SV nâng cao được nhận thức và hành xử một cách có đạo đức.

Đạo đức kế toán cũng quan trọng như đạo đức kinh doanh. Đây là một phạm trù cụ thể hơn nhưng ảnh hưởng rất lớn đối với doanh nghiệp nếu áp dụng không đúng cách. Bộ Tài chính (2015) ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán đã nói rõ “*trách nhiệm của kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng các nhu cầu của khách hàng đơn lẻ hoặc doanh nghiệp nơi kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp làm việc mà còn phải nắm được và tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực này vì lợi ích của công chúng*”. Đạo đức kế toán là một trong những điều quan trọng nhất trong vai trò của nghề kế toán (Hermawan & Kokthunarina, 2018). Dù cho đang ở vị trí nào, thì người làm kế toán vẫn phải tuân thủ bộ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp này, làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ đối với khách hàng, doanh nghiệp.

Trên thế giới không thiếu các vụ vi phạm đạo đức kế toán, gây thiệt hại to lớn cho một nền kinh tế. Vụ phá sản chấn động thế giới của Enron vào năm 2001, cùng thời điểm đó đem đến làn sóng khủng hoảng niềm tin đối với các báo cáo tài chính trong xã hội. Khi dịch COVID-19 diễn biến ngày càng phức tạp thì việc vi phạm đạo đức kế toán để phóng đại hoặc che giấu các con số trong

BCTC ngày càng nhiều, điều đáng nói là không phải vụ việc nào cũng sẽ bị đưa ra ánh sáng. Theo Hiệp hội các nhà điều tra gian lận Mỹ (2020) về các quốc gia gian lận báo cáo tài chính thì trong đó có Việt Nam. Theo ông Hồ Quốc Tuấn (2020), “*nhiều người cho rằng, số liệu lời, lỗ bây giờ phụ thuộc nhiều vào quan điểm của kế toán trưởng công ty và các công ty kiểm toán*”.

“*Các giáo sư cũng đồng ý rằng đạo đức nên được đưa vào tất cả các khóa học, không chỉ trong kiểm toán*” (Smith, 1993, tr. 18). Theo Lê Đoàn Minh Đức và Thái Thị Cẩm Giang (2018, tr. 32) thì đạo đức chưa được quan tâm nhiều trong các khóa học dẫn đến “*SV kế toán ra trường đi làm lại không hiểu rõ đạo đức nghề nghiệp kế toán và không xử lý được các tình huống khó xử về đạo đức nghề nghiệp, thậm chí còn vi phạm đạo đức nghề nghiệp*”. Do vậy việc giáo dục đạo đức cho sinh rất quan trọng khi mà hiện nay các công ty khá chú trọng các SV tốt về mặt đạo đức không chỉ trong nghiệp vụ.

Trên thế giới cũng đã có một số nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán (Alam, 1995; Royae, Ahmadi, & Jari, 2013). Tại Việt Nam cũng có một số nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng, nhận thức về đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán (Châu Thị Lệ Duyên, 2012; Mai Thị Quỳnh Như, 2019; Nguyễn Thị Phương & Trần Thị Diễm Thúy, 2020; Lê Thị Thu Hà, 2021). Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu về nhận thức của SV về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán của SV bậc đại học các ngành kinh tế và kinh doanh.

2. Câu hỏi nghiên cứu và khung phân tích

2.1. Khái niệm và câu hỏi nghiên cứu

2.1.1. Đạo đức

“*Ethics*” được bắt nguồn từ “*ethos*” của Hy Lạp mang ý nghĩa tính cách, tinh thần,

hoặc thái độ của một nhóm người hoặc một nền văn hóa (Rahman, 2003). Theo Mahdavi-khou và Khotanlou (2012, tr. 1318) thì “*đạo đức là một yêu cầu thiết yếu cho một xã hội lành mạnh và hoàn chỉnh*”. Hành vi đạo đức đã được nhấn mạnh trở thành một yếu tố quan trọng của sự bền vững (Nguyen và cs., 2013, tr. 42). “*Đạo đức là một yếu tố thiết yếu của sự thành công ở cấp độ cá nhân và tổ chức*” và “*đạo đức bao gồm tất cả chuẩn mực mà những người lý trí sẽ chọn để điều chỉnh cách cư xử trong xã hội nếu họ biết các quy định có thể áp dụng cho họ*” (Wiley, 1995, tr. 22). Đạo đức học cũng chỉ ra sự phản ánh triết học về niềm tin và thực tiễn (Rahman, 2003). Do đó, Pusti (2017) cũng đã phát biểu rằng đạo đức là một nhánh của Triết học và được coi là khoa học chuẩn mực vì nó liên quan đến các chuẩn mực hành vi của con người. Tất cả đều nói lên rằng, đạo đức liên quan tới hành vi của con người, một phạm trù rộng nhưng đều quy kết về một mối – con người, bao gồm những hành vi chuẩn mực mà con người lựa chọn để phù hợp với một xã hội lành mạnh, phát triển, mang lại thành công nhất định cho họ.

2.1.2. Đạo đức kinh doanh (**business ethics**)

Lewis (1985, tr. 381) đã phát biểu “*đạo đức kinh doanh là tất cả những quy tắc, tiêu chuẩn, luật lệ hoặc nguyên tắc để chỉ dẫn hành vi ứng xử chuẩn mực và trung thực trong những trường hợp nhất định*”. Động lực đạo đức hướng dẫn kinh doanh liên quan đến mong muốn làm điều đúng đắn, không có áp lực từ bên ngoài hoặc sự ràng buộc từ chính phủ (Joyner & Payne, 2002, tr. 298). Thêm vào đó, đạo đức kinh doanh không chỉ bao gồm việc tuân thủ pháp luật mà còn quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi cho những người có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và quyền lợi của cộng đồng (Nguyễn Hoàng Ánh, 2009). Drucker (1981) đã nói rằng đạo đức đối với người lãnh đạo, đặc biệt

là đối với người điều hành doanh nghiệp, phải thể hiện rõ trách nhiệm xã hội. Do đó xây dựng đạo đức kinh doanh làm cơ sở cho việc thực hiện trách nhiệm xã hội, là một trong những yếu tố quan trọng trong sự phát triển chung của nền kinh tế thị trường (Đỗ Thị Kim Hoa, 2009). Và hành vi đạo đức rất quan trọng đối với xã hội hiện đại, kể cả giới kinh doanh nói chung hay kế toán nói riêng (Kerr & Smith, 1995).

Đồng thời đạo đức kinh doanh lành mạnh được thể hiện theo như nghiên cứu của Cao Duy Hạ (2009):

- Làm giàu cho mình đồng thời làm giàu cho đất nước.
 - Kinh doanh trong khuôn khổ luật pháp.
 - Thực hiện đúng luật Cạnh tranh, tham gia cạnh tranh lành mạnh, không hại người để lợi riêng mình.
 - Bình đẳng về xã hội và sòng phẳng, minh bạch lợi ích với người lao động.
 - Trung thực đối với các bạn hàng, với người tiêu dùng, giữ chữ “tín” trong kinh doanh.
 - Phấn đấu đưa doanh nghiệp của mình phát triển đi theo con đường định hướng xã hội chủ nghĩa.
 - Từng nhà doanh nghiệp phải thường xuyên học tập, rèn luyện nâng cao năng lực tổ chức quản lý kinh doanh và chấp hành đúng luật pháp.
- Cao Minh Toàn & Nguyễn Minh Châu (2018) cho thấy vai trò của đạo đức trong hoạt động kinh doanh có thể tạo ra lợi nhuận tăng cao vì mang đến:
- Sự tin tưởng của khách hàng và nhân viên.
 - Sự trung thành của nhân viên.
 - Sự thỏa mãn của khách hàng.
 - Chất lượng tổ chức.

Do đó, đạo đức kinh doanh không chỉ liên quan đến phẩm chất tốt, tính chính trực, tính cách của ai, mà bao gồm cả sự hiểu của bản thân về mặt đúng và sự thật trong tình huống đạo đức tiến thoái lưỡng nan (Lewis, 1985). Bên cạnh đó, đạo đức kinh doanh còn gắn liền với quyền lợi của các bên liên quan như khách hàng, chủ nợ, nhà cung cấp, nhân viên và cuối cùng là trách nhiệm đối với xã hội.

2.1.3. Đạo đức kế toán (*accounting ethics*)

Đạo đức kế toán được xem là mối quan tâm quan trọng nhất, nhưng lại bị hiểu lầm nhiều nhất trong giới kinh doanh ngày nay (Onyebuchi, 2011). Đạo đức kế toán là một trong những điều quan trọng nhất trong các vai trò của nghề kế toán và người kế toán chuyên nghiệp phải có trách nhiệm tuân thủ các tiêu chuẩn cao về đạo đức nghề nghiệp để cung cấp các thông tin công bằng cho công chúng (Hermawan & Kokthunarina, 2018). Và tầm quan trọng của đạo đức kế toán chủ yếu nằm ở ảnh hưởng thực tế đối với cuộc sống của các cá nhân trong xã hội (Rahman, 2003). Cuối cùng được Hermawan và Kokthunarina (2018) định nghĩa “là nguyên tắc đạo đức hoặc giá trị mà kế toán sử dụng để tránh gian lận”.

Các nguyên tắc đạo đức kế toán được quy định trong chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kế toán, kiểm toán do Bộ Tài chính (2015) ban hành:

- Tính chính trực: Phải thẳng thắn, trung thực trong tất cả các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh;
- Tính khách quan: Không cho phép sự thiên vị, xung đột lợi ích hoặc bất cứ ảnh hưởng không hợp lý nào chi phối các xét đoán chuyên môn và kinh doanh của mình;
- Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Thể hiện, duy trì sự hiểu biết và kỹ năng chuyên môn cần thiết nhằm đảm bảo rằng khách hàng hoặc chủ doanh nghiệp

được cung cấp dịch vụ chuyên môn có chất lượng dựa trên những kiến thức mới nhất về chuyên môn, pháp luật và kỹ thuật, đồng thời hành động một cách thận trọng và phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật được áp dụng;

- Tính bảo mật: Phải bảo mật thông tin có được từ các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh, vì vậy, không được tiết lộ bất cứ thông tin nào cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của bên có thẩm quyền, trừ khi có quyền hoặc nghĩa vụ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan quản lý hoặc tổ chức nghề nghiệp, và cũng như không được sử dụng thông tin vì lợi ích cá nhân của kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp hoặc của bên thứ ba;

- Tư cách nghề nghiệp: Phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan, tránh bất kỳ hành động nào làm giảm uy tín nghề nghiệp của mình.

Việc tuân thủ đạo đức kế toán sẽ giúp các kế toán viên luôn duy trì được một thái độ nghề nghiệp đúng đắn, giúp bảo vệ và nâng cao uy tín cho nghề kế toán trong xã hội (Lê Đoàn Minh Đức & Thái Thị Cẩm Giang, 2018).

Do đó, duy trì đạo đức kế toán là một nguyên tắc không thể thiếu đối với người làm nghề kế toán, thể hiện trách nhiệm của kế toán viên đối với nghề nghiệp và xã hội. Đạo đức kế toán mang lại cho kế toán viên những quy tắc để tránh gian lận, làm mất đi giá trị bản thân và doanh nghiệp.

2.1.4. Giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán trong trường đại học

Theo Nguyen & cộng sự (2013) thì các nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc phát triển các chương trình giáo dục và đào tạo đạo đức để xây dựng xã hội và môi trường làm việc có đạo đức lành mạnh, đạt được sự tăng trưởng bền vững và

phồn vinh. Giáo dục đạo đức là nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến môi trường đạo đức kinh doanh (Alam, 1995). Theo Alam (1999, tr. 270), “*khóa học kế toán nên được phát triển làm cho SV nhận thức được giá trị phẩm chất và đạo đức*”. Giáo dục đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kế toán được coi là “*một phần của các nỗ lực đánh giá liên tục tại hầu hết các trường học, và đã là một phần của tiêu chuẩn công nhận giáo dục kế toán và kinh doanh trong một thời gian khá dài*” (Brenner, Watkins, & Flynn, 2012, tr. 110). Bên cạnh đó giáo dục đạo đức kế toán ở các nước phát triển đã được thảo luận trong một thời gian dài (Caliyurt, 2007). Theo đó giáo dục được đề xuất như một phương pháp để cải thiện đạo đức trong nghề kế toán (Thomas, 2012). Và các tiêu chuẩn đạo đức kế toán ngày càng tăng đã tạo ra nhiều áp lực cho trường kinh doanh trong việc đào tạo nghề kế toán tương lai (Pusti, 2017).

Đối với Ciulla (2011) thì lịch sử nên là một phần của bất kỳ một khóa học đạo đức kinh doanh nào, theo đó lịch sử sẽ được đưa vào các bài học tình huống. Bằng cách đó, bối cảnh lịch sử sẽ trở thành một trường hợp cụ thể hoặc so sánh các trường hợp đương thời với các trường hợp tương tự trong quá khứ. Kết quả là SV có cái nhìn sâu sắc hơn về các giá trị và động lực hình thành hành vi của con người trong kinh doanh.

Theo Gandz và Hayes (1988) việc giáo dục đạo đức kinh doanh nên được kết hợp vào tất cả các môn học kinh doanh, không phân biệt môn tự chọn hay bắt buộc. Điều đó yêu cầu tất cả các giảng viên phát triển kỹ năng phân tích sơ bộ, và nhận thức đối với các vấn đề trong phạm vi môn học mà họ phụ trách.

Đối với Felton và Sims (2005), thì phương pháp giáo dục đạo đức kinh doanh ở bậc đại học nên:

- Hỗ trợ SV hình thành các giá trị cá nhân và ý tưởng đạo đức của họ;

- Giới thiệu cho SV một loạt các vấn đề đạo đức mà xã hội và thế giới phải đối mặt;

- Cung cấp cho SV mối liên hệ với các lý thuyết đạo đức quan trọng và truyền thống đạo đức;

- Cho SV cơ hội chống lại các vấn đề đạo đức kinh doanh được áp dụng, dù là cá nhân hay nghề nghiệp.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh là nhằm “*xây dựng một môi trường kinh doanh và xã hội có đạo đức mạnh mẽ có thể giúp đất nước ngăn chặn hối lộ và tham nhũng, đồng thời đạt được sự tăng trưởng và thịnh vượng bền vững*” (Nguyen & cộng sự, 2013, tr. 52).

Việc giáo dục đạo đức cho SV kinh doanh và kế toán ngày càng trở nên phổ biến hơn, do đó Loeb (1991, tr. 322) đã cho thấy được 7 kết quả mong đợi của việc giáo dục đạo đức kế toán:

- Giúp SV nhận ra các vấn đề đạo đức từ việc giảng dạy kế toán;

- Giúp SV rút ra được các bài học đạo đức từ trong các tình huống kế toán;

- Hình thành ý thức, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm đạo đức cho SV;

- Phát triển khả năng giải quyết các xung đột đạo đức hoặc các tình huống khó xử (tiền thoái lưỡng nan);

- Giúp SV có thể giải quyết được với những tình huống không rõ ràng trong nghề kế toán;

- Giúp SV từng bước thay đổi trong hành vi đạo đức;

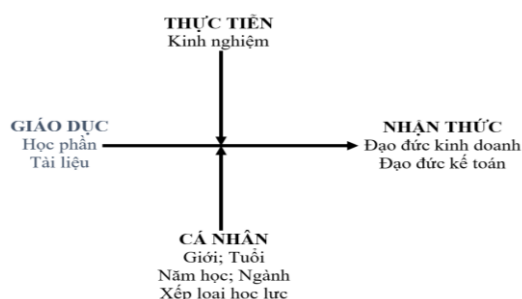
- Giúp SV hiểu rõ về lịch sử, các khía cạnh đạo đức kế toán và mối quan hệ của chúng với lĩnh vực đạo đức nói chung.

Do đó, các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra như sau:

- (1) SV nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán?
- (2) Có sự khác biệt trong nhận thức giữa các nhóm SV hay không?
- (3) Khoa đào tạo nên làm gì để giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán cho SV kinh tế và kinh doanh?

2.2. Khung phân tích

Qua một số các nghiên cứu như của Adkins và Radtke (2004), Stevens, Harris và Williamson (1993),... các yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến nhận thức của SV, kinh nghiệm thực tiễn và giáo dục tại nhà trường có thể thay đổi nhận thức của SV. Khung phân tích đề xuất được trình bày trong Hình 1. Giáo dục của nhà trường góp phần làm thay đổi nhận thức của SV về tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán. Kinh nghiệm thực tiễn của SV và các yếu tố cá nhân có thể ảnh hưởng đến quá trình hình thành nên nhận thức của SV.



Hình 1: Ảnh hưởng của các nhân tố đến nhận thức của SV về đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán

Khung phân tích này cho thấy các yếu tố có ảnh hưởng và có liên quan đến nhận thức của SV về đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán. Dựa theo khung này, nghiên cứu sẽ đánh giá thực trạng giảng dạy đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán của khoa đào tạo, kinh nghiệm thực tiễn của SV trong các vấn đề về đạo đức, đồng thời phân tích sự khác

biệt trong nhận thức của SV giữa các nhóm SV, đi tìm câu trả lời cho 3 câu hỏi nghiên cứu được đặt ra.

3. Thiết kế nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu hỗn hợp. Đầu tiên, một nghiên cứu định tính được thực hiện với kỹ thuật phỏng vấn sâu, bán cấu trúc nhằm tìm hiểu nhận thức của SV về đạo đức kinh doanh, đạo đức kế toán và nhận xét của SV trong quá trình học tập các nội dung này. Kết quả nghiên cứu định tính còn được dùng để hiệu chỉnh từ ngữ trong bản hỏi định lượng. Tiếp theo sau là nghiên cứu định lượng nhằm đánh giá nhận thức của SV về tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán. Kết quả nghiên cứu định tính được thảo luận chung với kết quả định lượng, thêm cơ sở cho các đề xuất với khoa đào tạo trong việc giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán cho SV kinh tế và kinh doanh.

Nghiên cứu được thực hiện vào tháng 05/2022. Mẫu nghiên cứu định tính là 10 SV, trong đó có 4 SV ngành Kế toán và 6 SV ngành khác. Mẫu nghiên cứu định lượng là 358 SV (Phụ lục 1). Phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Đây là một nghiên cứu ẩn danh nhằm đảm bảo tính trung thực khi thực hiện phỏng vấn hoặc khảo sát của SV.

SV tham gia phỏng vấn sẽ trả lời các câu hỏi tình huống để làm rõ cho vấn đề về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán. SV tham gia khảo sát ở Bảng 2 sẽ trả lời ba phần, đầu tiên là nhóm câu hỏi về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh, thứ hai là tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kế toán, thứ ba là thăm dò hoạt động giảng dạy đạo đức.

Nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh nghiên cứu các trường hợp trong: (1) cộng đồng kinh doanh, (2) các khóa học kinh doanh, (3) những quyết định

cá nhân, (4) những quyết định tại nơi làm việc; đây là thang đo đã được sử dụng trong nghiên cứu của Adkins và Radtke (2004), Royae và cộng sự (2013).

Thang đo nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kế toán được dựa trên mục đích giáo dục kế toán, được thông qua bởi Loeb (1991, tr. 322), thang đo này cũng đã được sử dụng trong nghiên cứu của Adkins & Radtke (2004), Royae & cộng sự (2013), Geary & Sims (1994, tr. 5). Còn thang đo cụ thể được điều chỉnh từ các câu hỏi sử dụng trong nghiên cứu của Cohen & Pant (1989), dẫn theo Adkins & Radtke (2004, tr. 286). Thang đo này được nhiều nghiên cứu trước đây sử dụng, được tham khảo để thiết kế khung phỏng vấn trong nghiên cứu định tính, sau đó được điều chỉnh trong bản hỏi khảo sát cho phù hợp với ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam. Ngoài ra, 6 câu hỏi trong nghiên cứu của Bampton và Cowton (2002) cũng đã được sử dụng để đánh giá việc giảng dạy đạo đức cho SV.

Thống kê mô tả được sử dụng để đánh giá nhận thức của SV về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kế toán. Kiểm định sự khác biệt được dùng để phân tích sự khác biệt trong nhận thức giữa các nhóm SV theo năm học, ngành học, giới tính và điểm tích lũy.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả nghiên cứu định tính

Kết quả phỏng vấn cho thấy 9/10 đáp viên có cái nhìn khá rõ ràng về đạo đức kinh doanh, họ biết đó là những quy tắc, những chuẩn mực điều chỉnh hành vi của chủ thể kinh doanh, cũng đưa ra được những lý lẽ chứng minh cho việc bản thân hiểu khái niệm đó như thế nào. Đồng thời các đáp viên khác cũng đồng ý rằng khi kinh doanh có đạo đức

thì công ty sẽ tạo ra được lợi nhuận cao, có được sự trung thành, sự tin tưởng của khách hàng và nhân viên. Đáp viên còn lại cũng có kiến thức về đạo đức kinh doanh; tuy nhiên, SV này chưa thể hiện rõ được quan điểm của bản thân, chỉ đưa ra được ý kiến đúng hoặc sai của vấn đề chứ không lý giải được nguyên nhân. SV này cho biết đạo đức kinh doanh chính là “*những quy tắc trong kinh doanh phải tuân thủ*” mà không nói lên được đó là gì.

Có 7/10 đáp viên hiểu một cách tương đối về đạo đức kế toán, một số đáp viên có câu trả lời tương tự nhau, họ cho rằng liên quan đến “*tính trung thực và chữ tín của nhân viên kế toán*”; nhưng chưa thể hiện được hiểu biết về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Một SV cho biết bản thân họ lần đầu tiên nghe tới khái niệm đạo đức kế toán; một SV khác không biết gì nhiều về đạo đức kế toán họ vì không học ngành Kế toán. 3/7 SV còn lại cho biết các nguyên tắc đạo đức có trong chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kế toán, kiểm toán; một trong số đó (SV năm 4) có thể giải thích tương đối về các nguyên tắc đạo đức này. Có thể thấy mức độ hiểu biết về đạo đức trong ngành tăng lên đối với những SV năm sau.

Đa số các đáp viên đều nhận thấy việc giáo dục đạo đức kinh doanh, đạo đức kế toán là rất quan trọng, đều đó cần thiết cho SV ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. Tuy nhiên, một SV lại cho rằng giáo dục đạo đức kinh doanh, đạo đức kế toán chỉ quan trọng một phần, phần còn lại tùy thuộc vào các quy tắc của doanh nghiệp đặt ra, họ cho rằng đôi khi việc giáo dục lại không phù hợp với thực tế.

Tuy đại đa số đều thấy việc giáo dục là quan trọng, họ đều cho rằng sự lựa chọn hành động được cân nhắc trên phương diện

đạo đức và tinh thần thượng tôn pháp luật. Một số đáp viên chưa thực sự thể hiện được sự tôn trọng đối đạo đức nghề nghiệp. Một SV khác lưỡng lự giữa đúng và sai: việc trốn thuế có thể đúng hoặc sai.

Có sự mâu thuẫn trong nhận thức của SV10. SV cho rằng việc trốn thuế, thêm vào các chi phí không hợp lý cũng nên đứng theo hai góc độ mà ngắm, nếu là một nhân viên thì nên làm theo ý sếp. Còn khi người thân mình là kẻ lừa đảo thì đáp viên sẽ không tố cáo. Bên cạnh đó đáp viên cảm thấy chỉ nên đặt cao trách nhiệm đối với khách hàng còn đối với nhà cung cấp thì không, vì đã thực hiện các điều khoản trên hợp đồng.

SV1 cho rằng việc phát sinh các chi phí không hợp lý nhưng cần phải xử lý theo ý cấp trên là điều xảy ra hàng ngày đối với kế toán viên, bản thân họ vẫn sẽ làm theo ý sếp nhưng họ sẽ thỏa thuận, khi sếp đồng ý chịu trách nhiệm về sau thì họ sẽ chấp nhận. Bên cạnh đó SV2 cũng có cùng suy nghĩ với SV10, cho rằng trong tình huống nếu sếp giao nhiệm vụ ảnh hưởng đến tính trung thực trong công tác kế toán thì nếu “không gây thiệt hại quá cho ngân sách nhà nước thì chắc mình cũng phải làm theo lời sếp”.

Tất cả đáp viên đều đồng ý rằng kinh doanh nhưng không có đạo đức thì sẽ xuống uy tín công ty sụt giảm, gây thiệt hại cho cộng đồng, mất đi khách hàng trung thành, mất đi niềm tin của nhân viên, có khả năng dẫn đến phá sản và những hệ lụy liên quan đến pháp luật về sau. Còn đối với ngành Kế toán khi không có đạo đức thì sẽ gây thiệt hại về mặt tài sản cho công ty, có nguy cơ bị đuổi việc, thêm vào đó làm mất đi uy tín, danh tiếng trong ngành của bản thân.

Các câu trả lời đều cho thấy rằng đáp viên có mức độ hiểu biết nhất định về đạo đức

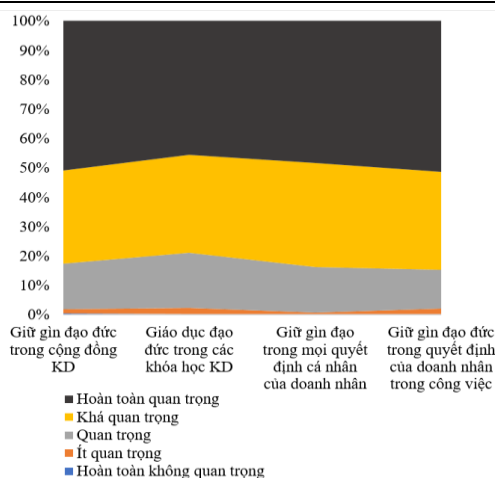
kinh doanh và đạo đức kế toán. Song, tác giả nhận thấy các đáp viên có sự lưỡng lự, cân nhắc sâu sắc khi đứng trong trường hợp “tiến thoái lưỡng nan” về mặt đạo đức, điều đó cho thấy sự quan trọng của vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kế toán trong môi trường đại học. Bên cạnh đó, việc giáo dục cũng sẽ giúp cho SV nhận định được vai trò của đạo đức cũng như tác hại của việc lựa chọn phi đạo đức, từ đó giúp SV có thêm hiểu biết để cân nhắc sự lựa chọn của bản thân.

Phần lớn đáp viên đều chưa hài lòng với việc giảng dạy ở Khoa, nguyên nhân chủ yếu vì họ chưa được học phần riêng biệt nào về đạo đức kinh doanh hay đạo đức kế toán. Tuy có được đề cập tới trong một số học phần như Pháp luật kinh tế, Nguyên lý kế toán, Kiểm toán, Kế toán quản trị, Thuế nhưng giảng viên chưa thể đi sâu vào vấn đề đạo đức, và hơn hết là không phải ngành nào cũng học những môn đó, điều này có ảnh hưởng đến nhận thức của SV.

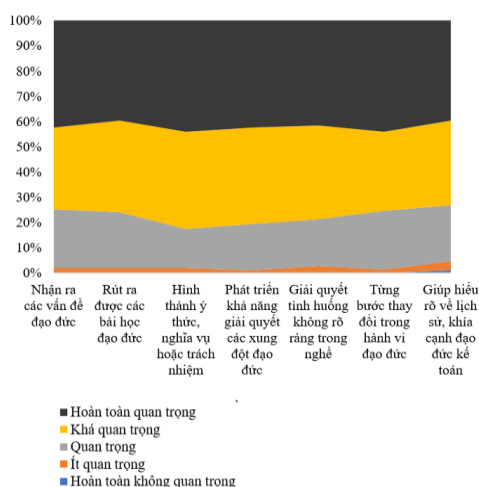
4.2. Kết quả nghiên cứu định lượng

4.2.1. Nhận thức về tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán

Hình 2 trình bày nhận thức của SV đối với vấn đề giữ gìn đạo đức kinh doanh. Hơn 80% trong tổng số 358 SV chọn thang điểm từ “Quan trọng” trở lên cho các vấn đề giữ gìn đạo đức chứng tỏ SV đều cho rằng giữ gìn đạo đức kinh doanh là quan trọng. Trung bình thang đo đều từ 4 trở lên chứng tỏ SV nhận thấy đạo đức kinh doanh là khá quan trọng. Đối với SV, việc giữ gìn đạo đức trong công việc vẫn là quan trọng nhất (chiếm 51,4%). Tuy nhiên, vẫn có một số SV cảm thấy việc giữ gìn đạo đức là ít quan trọng và thậm chí là không quan trọng, chiếm 0,9% chứng tỏ số SV đó vẫn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của giáo dục đạo đức kinh doanh.



Hình 2: Nhận thức của SV về giáo dục đạo đức kinh doanh



Hình 3: Nhận thức của SV về giáo dục đạo đức kế toán

Các mục tiêu giảng dạy kế toán được đánh giá thông qua bản hỏi khảo sát, và kết quả được thể hiện ở Hình 3. Đa số SV đều đồng ý rằng mục tiêu giảng dạy kế toán thì quan trọng cho đến hoàn toàn quan trọng. Trung bình của thang đo đều từ 4 trở lên chứng tỏ SV đánh giá cao tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức kế toán.

Tuy nhiên cũng có một số SV cảm thấy rằng các mục tiêu này ít quan trọng và không quan trọng. Trên 40% bản hỏi khảo sát thể hiện được các mục tiêu được đánh giá hoàn toàn quan trọng, cho thấy khái quát được nhận thức của SV.

4.2.2. Kết quả giáo dục đạo đức tại khoa

Kết quả thể hiện ở Bảng 1 cho thấy chỉ có 39,7% số SV được khảo sát đã từng học học phần về đạo đức và có 9,2% SV nói rằng lớp học không được thiết kế tốt và hiệu quả. Đa số các SV đều cho rằng những môn học đạo đức cần thiết cho ngành học của họ, khi mà họ đều biết rằng tại trường có mở học phần đạo đức. Điều đó cho thấy tại Khoa Kinh tế-Quản trị Kinh doanh có mở học phần dạy đạo đức, tuy nhiên có 27,1% cho rằng bản thân không chắc về việc Khoa có mở lớp học đạo đức hay không, trong đó hơn 50% là SV năm nhất và năm hai, có vẻ như 2 năm đầu chưa thực sự quan tâm đến chương trình đào tạo của Khoa. Đa số các SV đều nhận định nếu học phần đạo đức trong kinh doanh (kế toán) là học phần tự chọn thì họ sẽ đăng ký học, cho thấy mức độ quan tâm đến giáo dục đạo đức của SV khá khả quan. Hơn 30% chỉ ra rằng lớp học đạo đức không và không chắc hiệu quả, điều này làm nổi lên vấn đề rằng cần xem xét lại hiệu quả giảng dạy đạo đức kinh doanh cho SV ngành kinh tế và kinh doanh. Hơn 2/3 SV cho biết đã từng trải qua những tình huống khó xử về đạo đức. Việc trang bị kiến thức và kỹ năng ứng phó với các tình huống là cần thiết. Có đến 83% SV mong muốn được học về vấn đề này. Mặc dù, Trường và Khoa đã có những học phần về đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán cho SV, tuy nhiên, SV vẫn còn chưa cảm thấy thỏa mãn với hiệu quả giảng dạy. Kết quả định tính cũng cho thấy, nội dung đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán được dạy khá đầy đủ trong các học phần, đồng thời được lồng ghép vào các học phần chuyên môn. Tuy nhiên, GV không dành nhiều thời gian để phân tích những vấn đề đạo đức trong khi giảng về chuyên môn, nên SV nhận thấy không đủ khả năng giải quyết các xung đột đạo đức, ứng phó trong những tình huống không rõ ràng, tiến thoái lưỡng nan trong nghề nghiệp sau này.

Bảng 1: Thực trạng giảng dạy đạo đức

Câu hỏi	Câu trả lời		
	CÓ (%)	KHÔNG (%)	Không chắc (%)
1. Bạn đã từng học một học phần dạy về đạo đức ở Khoa KT-QTKD chưa?	39,7	60,3	0
1a. Nếu có, bạn có nghĩ rằng lớp học này được thiết kế tốt và hiệu quả không?	68,3	9,2	22,5
1b. Nếu không, vui lòng trả lời qua câu 2.			
2. Khoa KT-QTKD có mở học phần dạy về đạo đức không?	61,7	11,2	27,1
2a. Nếu có, (những) môn học này có cần thiết cho ngành học của bạn không?	95	1,4	3,6
2b. Nếu không, vui lòng trả lời qua câu 3.			
3. Nếu học phần đạo đức trong kinh doanh là học phần tự chọn, bạn có đăng ký học không?	83,0	6,7	10,3
4. Nếu học phần đạo đức trong kế toán là học phần tự chọn, bạn có đăng ký học không?	71,8	11,7	16,5
5. Bạn có nghĩ rằng Khoa KT-QTKD cần có một học phần đạo đức dành cho tất cả SV của Khoa không?	82,1	4,2	13,7
6. Bạn có nghĩ rằng cần phải có một học phần đạo đức kế toán để giúp SV ngành Kế toán giải quyết được các vấn đề đạo đức trong nghề kế toán không?	82,7	5,3	12,0
7. Giảng viên có sử dụng các dạng tài liệu hỗ trợ cho việc dạy đạo đức không?	44,4	12,0	43,6
8. Bạn đã từng trải qua các tình huống khó xử (tiến thoái lưỡng nan) về đạo đức trong cuộc sống chưa?	69,3	12,6	18,2

4.2.3. Kiểm định sự khác biệt

Nghiên cứu được kiểm định sự khác biệt đối với các yếu tố năm học, ngành học. Bên cạnh đó, xem xét sự khác biệt của giới tính, điểm tích lũy.

Kết quả kiểm định bước đầu cho thấy có sự khác biệt trong nhận thức giữa các năm học, các ngành, giới tính và điểm tích lũy. Kiểm định phương sai của nhân tố “Điểm tích lũy” khác nhau, cho nên nghiên cứu sẽ sử dụng cả 2 phương pháp phân tích ANOVA và Welch.

Thang đo đạo đức kinh doanh có trung bình từ 3 trở lên, chứng tỏ sinh các năm đều nhận thức được tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh. Trong đó SV năm nhất đa số có trung bình nhỏ nhất.

Kết quả kiểm định Tukey cho thấy, câu hỏi thứ nhất “Giữ gìn đạo đức trong cộng

đồng kinh doanh”, SV năm nhất có sự khác biệt trong nhận thức đối với sinh năm hai trở lên. Cụ thể, Phụ lục 2 thể hiện tóm tắt sự khác biệt giữa năm nhất và các năm về sau, chứng tỏ nhận thức của SV các năm về sau quan trọng hơn năm nhất. Đối với câu hỏi thứ hai “Giáo dục đạo đức trong các khóa học kinh doanh” thì chỉ tìm thấy sự khác biệt trong câu trả lời của SV năm nhất và SV năm ba, có thể thấy SV năm ba nhận thức được tầm quan trọng của các khóa học đạo đức hơn các năm khác. Trong câu hỏi cuối, chỉ có SV năm ba và năm tư nhận thức đạo đức kinh doanh quan trọng hơn SV năm nhất. Còn câu hỏi thứ ba, cả 3 năm về sau đều nhận thức đạo đức kinh doanh quan trọng hơn SV năm nhất. Do đó, SV các năm về sau càng nhận thức rõ ràng về đạo đức kinh doanh hơn năm nhất nên họ có thể cảm thấy

việc giáo dục đạo đức kinh doanh là quan trọng hơn SV năm nhất.

Phụ lục 2 cũng chỉ ra rằng ở mục tiêu “Giúp SV rút ra được các bài học đạo đức từ trong các tình huống kế toán” có sự khác biệt thống kê giữa năm ba, năm tư đối với năm nhất. Cột Mean Difference cho thấy càng về sau thì sự khác biệt càng lớn, năm tư được đánh giá là coi trọng mục tiêu này hơn là các năm khác. Có thể càng về sau, SV càng có thêm năng lực để rút ra bài học, nên họ cảm thấy việc giáo dục đạo đức thông qua các tình huống kế toán thì quan trọng hơn SV năm nhất, năm hai.

Đối với mục tiêu “Giúp SV có thể giải quyết được với những tình huống không rõ ràng trong nghề kế toán” thì thể hiện rõ ràng sự khác biệt trong nhận thức giữa SV năm tư và SV năm nhất. Năm hai, năm ba không có sự khác biệt đáng kể nào với năm nhất. Năm tư có trung bình cao nhất cho thấy được việc SV năm tư nhận thấy giáo dục đạo đức kế toán thì quan trọng hơn các năm còn lại.

Các kết quả cho thấy, SV các năm càng về sau thì nhận thức việc giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán quan trọng hơn năm nhất, điều này chỉ ra rằng có thể là do việc SV các năm về sau được học các học phần liên quan đến đạo đức nhiều hơn SV năm nhất.

Phụ lục 3 chỉ ra rằng có sự khác biệt trong nhận thức giữa các ngành ở câu hỏi “Giúp SV rút ra được các bài học đạo đức từ trong các tình huống kế toán” và “Giúp SV có thể giải quyết được với những tình huống không rõ ràng trong nghề kế toán”. Các mục tiêu khác thì giữa các ngành vẫn có sự nhận thức tương đối giống nhau, không có gì khác biệt.

Ở câu hỏi “Giúp SV rút ra được các bài học đạo đức từ trong các tình huống kế toán”, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa ngành Kế toán và Quản trị Kinh doanh, giữa ngành

Quản trị Kinh doanh và Marketing. Đối với ngành Kế toán và Quản trị Kinh doanh, ở cột Mean Difference mang giá trị dương, nghĩa là SV ngành Kế toán mang nhận thức về các mục tiêu giảng dạy kế toán thì quan trọng hơn SV ngành Quản trị Kinh doanh, đây là điều đáng chú ý vì các mục tiêu này gần gũi với SV ngành Kế toán hơn là SV ngành khác. Bên cạnh đó, ngành Marketing có sự nhận thức về các mục tiêu giảng dạy kế toán quan trọng hơn ngành Quản trị Kinh doanh.

Kết quả kiểm định được thể hiện ở Bảng 2, Sig. của câu hỏi này nhỏ hơn 0,05 kết hợp với Phụ lục 4 thể hiện nhận thức về tầm quan trọng về các mục tiêu giảng dạy kế toán của nữ khác biệt với nam một cách có ý nghĩa thống kê. Theo đó, nữ đánh giá cao tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kế toán hơn nam. Nghiên cứu định tính cũng cho thấy rằng nữ có nhận thức đầy đủ và rõ ràng hơn về đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán hơn nam.

Bảng 2: Nhận thức của SV nam/nữ đối với mục tiêu giảng dạy kế toán

ANOVA					
Giúp SV từng bước thay đổi trong hành vi đạo đức					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	3,22	1	3,22	4,66	0,03
Within Groups	245,98	356	0,69		
Total	249,20	357			

Phụ lục 5 thể hiện giá trị khác biệt trong nhận thức giữa các SV có điểm tích lũy khác nhau. Ở mục tiêu “Hình thành ý thức, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm đạo đức cho SV” có sự khác biệt được thể hiện qua giá trị sig.<0,05, trong đó SV có điểm tích lũy từ 3,20 đến 3,59 thì nhận thức các mục tiêu giảng dạy kế toán quan trọng hơn SV có điểm tích lũy nhỏ hơn 2,50. Ở mục tiêu “Giúp SV từng bước thay đổi trong hành vi đạo đức” có cùng kết

quả với mục tiêu trên, SV có điểm tích lũy từ 3,20 đến 3,59 thì nhận thấy các mục tiêu giảng dạy kế toán quan trọng hơn SV có điểm tích lũy nhỏ hơn 2,50. Đối với mục tiêu “Giúp SV hiểu rõ về lịch sử, các khía cạnh đạo đức kế toán và mối quan hệ của chúng với lĩnh vực đạo đức nói chung” cũng có kết quả tương tự, bên cạnh đó thì SV có điểm tích lũy từ 2,50 đến 3,19 cũng cho rằng các mục tiêu giảng dạy đạo đức kế toán quan trọng hơn SV có điểm tích lũy nhỏ hơn 2,50. Mục tiêu “Giúp SV có thể giải quyết được với những tình huống không rõ ràng trong nghề kế toán” có giá trị $\text{sig.} < 0,05$ thể hiện ở Phụ lục 5 cho thấy được SV có điểm tích lũy từ 3,60 đến 4,00 nhận thấy các mục tiêu giảng dạy đạo đức kế toán thì quan trọng hơn SV có điểm tích lũy nhỏ hơn 2,50. Kết quả cho thấy nhóm SV có điểm tích lũy càng cao thì nhận thức càng có sự khác biệt đối với nhóm SV có điểm tích lũy thấp.

4.2.4. Tổ chức giảng dạy đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán

Bảng 3 cho thấy sự lựa chọn của SV trong vấn đề nên tổ chức học phần như thế nào. Vì thế, các học phần về đạo đức nên được dạy riêng và lồng ghép thêm trong các học phần khác là các tình huống, để SV hiểu rõ khái niệm về đạo đức kinh doanh cũng như đạo đức kế toán và gắn liền với các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức để SV có thể định hướng đúng và lựa chọn ứng xử dựa trên sự giáo dục từ nhà trường.

Bảng 3: Thống kê đề xuất tổ chức học phần

Câu hỏi	Lồng ghép (%)	Dạy riêng (%)	Lồng ghép + Dạy riêng (%)
Học phần đạo đức kinh doanh	25,4	28,5	46,1
Học phần đạo đức kế toán	28,5	31,3	40,2

5. Thảo luận, kết luận và những hạn chế của nghiên cứu

5.1. Thảo luận

SV mong muốn khoa đào tạo có thể xem xét cung cấp học phần cơ sở ngành trước để SV có thể hình thành nhận thức khái quát về nghề nghiệp, tiếp đó cung cấp học phần về cả đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán, bởi vì SV của Khoa đều cần học cả hai vấn đề và năm học thứ hai là hợp lý.

Nghiên cứu định tính và Bảng 1 chỉ ra rằng nếu học phần đạo đức là tự chọn thì vẫn có một số SV không và không chắc học. Do đó, học phần về đạo đức nên là học phần bắt buộc, để tất cả SV của Khoa đều được học. Một giải pháp có thể khả thi là, giảng viên chuyên ngành chú trọng đến giáo dục đạo đức, đạo đức kinh doanh và/hoặc đạo đức kế toán, lồng ghép các vấn đề đạo đức trong khi giảng bài.

Bảng 1 cho thấy hơn 30% trong tổng số SV đã từng học học phần đạo đức cho biết lớp học đạo đức không và không chắc hiệu quả, trong đó đa số là SV ngành Marketing và Quản trị Kinh doanh. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp là học phần bắt buộc đối với 2 ngành này có học phần bắt buộc. Do đó, hiệu quả giảng dạy của học phần cần được xem xét. Theo đó, vấn đề đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán cần được phân tích trong các bài học về chuyên môn để SV thường xuyên được nhắc nhở về đạo đức, hiểu biết để rèn luyện kỹ năng giải quyết các vấn đề nghiệp vụ theo quy tắc đạo đức. Mặc dù, chưa có phản ánh nào của SV về tài liệu giảng dạy, sự không chắc chắn về hiệu quả giảng dạy đạo đức cho thấy Trường/Khoa đào tạo cần đầu tư tài liệu và phương pháp để cải tiến chất lượng và nâng cao hiệu quả giảng dạy đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán cho SV.

Có sự khác biệt trong nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh

và đạo đức kế toán trong các nhóm năm học, nhóm ngành, giới tính cũng như là nhóm điểm tích lũy. SV các năm về sau đánh giá cao tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh so với SV năm nhất. SV năm thứ tư cũng có đánh giá cao hơn các mục tiêu giảng dạy kế toán và tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kế toán so với SV các năm còn lại. Có thể nói, SV các năm về sau nhận thấy giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán quan trọng hơn SV năm nhất, tương tự với kết quả của Salimi, Kornelus và Abo-Hebeish (2016).

Không có sự khác biệt trong nhận thức của SV về giáo dục đạo đức kinh doanh giữa các nhóm ngành. Tuy nhiên, có một số ít sự khác biệt trong nhận thức giáo dục đạo đức kế toán. Có lẽ vì SV ngành Kế toán tiếp cận khá sớm và sâu với các môn học chuyên ngành được lồng ghép các tình huống đạo đức hơn SV ngành Quản trị Kinh doanh.

Đối với yếu tố giới tính, cả nam và nữ đều cho kết quả nhận thức quan trọng khi giá trị trung bình đều trên 4, có sự khác biệt giữa nam và nữ ở một mục tiêu giảng dạy kế toán, kết hợp với hiểu biết của SV nữ trong nghiên cứu định tính thì nữ đánh giá tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kế toán cao hơn nam, có kết quả tương ứng với một phần của Adkins và Radtke (2004)

5.2. Kết luận

Đa số SV đều nhận thấy giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán thì quan trọng, có một trường hợp cho rằng giáo dục chỉ quan trọng một phần. Tuy SV đều nhận thấy được tầm quan trọng của giáo dục nhưng hiểu biết của mỗi cá nhân khác nhau. Các năm càng về sau có sự lưỡng lự và mâu thuẫn trong nhận thức hơn. Giữa các ngành cũng không có sự khác biệt trong nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán, nhưng lại có sự khác biệt trong kiến thức về đạo đức kế toán,

có thể là do khác biệt trong chương trình đào tạo. Từ đó, thấy được tầm quan trọng của vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán giúp cho SV có đầy đủ kiến thức khi đứng giữa tình huống tiến thoái lưỡng nan.

SV coi trọng giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán. SV tin tưởng vào giáo dục đạo đức và năng lực giảng dạy của Khoa. SV có nhận thức khá cao đối với giáo dục đạo đức. Đa số SV đều chọn đăng ký học các học phần đạo đức, chứng tỏ việc giáo dục đạo đức thực sự cần thiết cho SV.

Điểm tích lũy cũng không có sự khác biệt ở thang đo đạo đức kinh doanh. SV có điểm tích lũy càng cao thì nhận thức càng có sự khác biệt đối với nhóm SV có điểm tích lũy thấp. Điều này cho thấy nhóm sinh có điểm tích lũy cao đánh giá cao tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán hơn.

Có thể thấy được giáo dục đã trở nên quan trọng trong nhận thức về đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán của SV kinh tế và kinh doanh. Giáo dục giúp SV định hướng suy nghĩ đúng đắn, từ đó có hành vi phù hợp chuẩn mực đạo đức.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu còn vài hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu chưa đánh giá được tầm quan trọng của giáo dục đạo đức kinh doanh và đạo đức kế toán thông qua sự khác biệt trong nhận thức giữa giảng viên và SV.

Thứ hai, nghiên cứu được thực hiện tại một trường đại học, sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, nên kết quả nghiên cứu chưa đại diện tốt cho SV kinh tế và kinh doanh. Bên cạnh đó là sự hạn chế khi phân bố mẫu định tính, sự phân bố không đồng đều giữa nam và nữ cũng làm cho kết quả giảm tính chính xác. Thêm vào đó, các đáp viên khá e ngại khi tiết lộ vấn đề điểm tích

lũy hay xếp loại nên khó có thể phân tích được nhận thức của SV theo điểm tích lũy.

Nghiên cứu này chỉ sử dụng thông kê mô tả là chủ yếu. Các nghiên cứu sau có thể sử dụng phương pháp phân tích khác ngoài ANOVA, như hồi quy đa biến.

Kết quả thống kê được trình bày chung cho cả sinh viên ngành Kế toán và các ngành khác có thể làm cho kết quả nghiên cứu kém thuyết phục người đọc. Tuy nhiên, tất cả SV các ngành kinh tế và kinh doanh đều được học về nguyên lý kế toán và một số học phần kế toán căn bản như kế toán quản trị và kế

toán tài chính nên SV tất cả các ngành có hiểu biết nhất định về công việc kế toán và kinh doanh. Mặc dù vậy, các nghiên cứu sau này, có thể nghiên cứu chuyên sâu về một trong hai vấn đề và tách riêng kết quả thống kê của SV ngành Kế toán với những ngành khác khi nghiên cứu về đạo đức kế toán. Các nghiên cứu tiếp theo có thể nghiên cứu sâu hơn về phương pháp và hiệu quả giảng dạy đạo đức kinh doanh, đạo đức kế toán cho sinh viên ngành kinh tế và kinh doanh tại các trường đại học ở Việt Nam, làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình đào tạo.

Phụ lục 1: Phân bố mẫu định lượng

Ngành học	Năm học										Tổng
	Thứ nhất		Thứ hai		Thứ ba		Thứ tư		Cộng		
	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	
Kế toán	20	6	23	2	20	6	26	3	89	17	106
Tài chính- Ngân hàng	7	6	8	9	10	6	14	2	39	23	62
Quản trị kinh doanh	13	7	16	4	9	6	9	6	47	23	70
Marketing	9	5	13	3	10	3	15	2	47	13	60
Kinh tế quốc tế	10	5	9	6	10	5	14	1	43	17	60
Cộng	59	29	69	24	59	26	78	14	265	93	358
Tổng	88		93		85		92		358		

Phụ lục 2: Nhận thức của SV các năm về đạo đức kinh doanh và mục tiêu giảng dạy kế toán

Nhận thức của SV	Sig.	1 2	1 3	1 4	2 3	2 4	3 4
Đạo đức kinh doanh							
Giữ gìn đạo đức trong cộng đồng kinh doanh	0,000	2	3	4			
Giáo dục đạo đức trong các khóa học kinh doanh	0,022		3				

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Giữ gìn đạo đức trong mọi quyết định cá nhân của doanh nhân	0,000	2	3	4			
Giữ gìn đạo đức trong những quyết định của doanh nhân trong công việc	0,002		3	4			
Mục tiêu giảng dạy kế toán							
Giúp SV rút ra được các bài học đạo đức từ trong các tình huống kế toán	0,004		3	4			
Giúp SV có thể giải quyết được với những tình huống không rõ ràng trong nghề kế toán	0,039			4			

Phụ lục 3: Nhận thức của SV các ngành về mục tiêu giảng dạy kế toán

Nhận thức của SV	Sig.	KT QT	KT NH	KT MK	KT KQ	QT NH	QT MK	QT KQ	NH MK	NH KQ	MK KQ
Mục tiêu giảng dạy kế toán											
Giúp SV rút ra được các bài học đạo đức từ trong các tình huống kế toán	0,004	KT					MK				
Giúp SV có thể giải quyết được với những tình huống không rõ ràng trong nghề kế toán	0,034						MK				

Phụ lục 4: Giá trị trung bình yếu tố giới tính

Descriptive								
Giúp SV từng bước thay đổi trong hành vi đạo đức								
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
					Lower Bound	Upper Bound		
Nam	93	4,02	0,897	0,093	3,84	4,21	2	5
Nữ	265	4,24	0,807	0,050	4,14	4,34	2	5
Total	358	4,18	0,835	0,044	4,09	4,27	2	5

Phụ lục 5: Nhận thức của SV có điểm tích lũy khác nhau về mục tiêu giảng dạy kế toán

Nhận thức của SV	Sig.	4	4	4	3	3	2
		3	2	1	2	1	1
Mục tiêu giảng dạy kế toán							
Giúp SV rút ra được các bài học đạo đức từ trong các tình huống kế toán							
Hình thành ý thức, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm đạo đức cho SV	0,044					3	
Giúp SV có thể giải quyết được với những tình huống không rõ ràng trong nghề kế toán	0,040	4					
Giúp SV từng bước thay đổi trong hành vi đạo đức	0,028					3	
Giúp SV hiểu rõ về lịch sử, các khía cạnh đạo đức kế toán và mối quan hệ của chúng với lĩnh vực đạo đức nói chung	0,031					3	2

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adkins, N., & Radtke, R. R. (2004). Students' and faculty members' perceptions of the importance of business ethics and accounting ethics education: Is there an expectations gap? *Journal of Business Ethics*, 51(3), 279-300.
- Alam, K. F. (1995). Attitudes towards business ethics of business students in Malaysia. *Journal of Business Ethics*, 14(4), 309-313.
- Alam, K. F. (1999). Ethics and accounting education. *Teaching Business Ethics*, 2(3), 261-272.
- Association of Certified Fraud Examiners. (2020). *Report to the Nations*. <https://acfe-public.s3-us-west-2.amazonaws.com/2020-Report-to-the-Nations.pdf>
- Bampton, R., & Cowton, C. J. (2002). Pioneering in ethics teaching: the case of management accounting in universities in the British Isles. *Teaching Business Ethics*, 6(3), 279-295.
- Bộ Tài chính. (2015). *Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán*. Retrieved from <http://vbpl.vn/nganhnganhnuoc/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=86112>
- Brenner, V. C., Watkins, A. L., & Flynn, P. (2012). Accounting student views on ethics. *Journal of Accounting and Finance*, 12(5), 110-117.
- Caliyurt, K. T. (2007). Accounting ethics education in Turkish public universities. *Social Responsibility Journal*.
- Cao Duy Hạ. (2009). Cùng suy ngẫm về đạo đức kinh doanh của nhà doanh nghiệp nước ta. *Thương Mại*, 9, 6-7.
- Cao Minh Toàn, & Nguyễn Minh Châu. (2018). Đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, 8, 194-200.
- Châu Thị Lệ Duyên. (2012). Thực trạng nhận thức đạo đức kinh doanh của sinh viên chuyên ngành Kinh tế tại Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học*, 190-197.

- Ciulla, J. B. (2011). Is business ethics getting better? A historical perspective. *Business Ethics Quarterly*, 21(2), 335-343.
- Cohen, J. R., & Pant, L. W. (1989). Accounting educators' perceptions of ethics in the curriculum. *Issues in Accounting Education*, 4(1), 70-81.
- Đỗ Thị Kim Hoa. (2009). Xây dựng đạo đức kinh doanh-Cơ sở cho việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. *Triết Học*, 10(221), 80-84.
- Drucker, P. (1981). What is business ethics. *The public interest*, 63(2), 18-36.
- Felton, E. L., & Sims, R. R. (2005). Teaching business ethics: Targeted outputs. *Journal of Business Ethics*, 60(4), 377-391.
- Gandz, J., & Hayes, N. (1988). Teaching business ethicong sự *Journal of Business Ethics*, 7(9), 657-669.
- Geary, W. T., & Sims, R. R. (1994). Can ethics be learned? *Accounting Education*, 3(1), 3-18.
- Hermawan, M. S., & Kokthunarina, K. (2018). Factors influencing accounting students' perception of accounting ethics; An Empirical Study in Indonesia. *Jurnal Akuntansi dan Bisnis*, 18(2), 88-97.
- Hồ Quốc Tuấn. (2020). *Đòn trừng phạt các công ty gian lận tài chính* <https://tinnhanhchungkhoan.vn/don-trung-phat-cac-cong-ty-gian-lan-tai-chinh-post241836>
- Hoàng Thị Thu Trang. (2017). Một số vấn đề về giáo dục đạo đức cho sinh viên Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Giáo dục lý luận*(260), 75-78.
- Joyner, B. E., & Payne, D. (2002). Evolution and implementation: A study of values, business ethics and corporate social responsibility. *Journal of Business Ethics*, 41(4), 297-311.
- Kerr, D. S., & Smith, L. M. (1995). Importance of and approaches to incorporating ethics into the accounting classroom. *Journal of Business Ethics*, 14(12), 987-995.
- Lê Đoàn Minh Đức, & Thái Thị Cẩm Giang. (2018). Nâng cao công tác đào tạo đạo đức nghề nghiệp kết toán tại các cơ sở đào tạo. *Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương*(518), 32-34.
- Lê Thị Thu Hà. (2021). Tổng quan nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*(227), 54-64.
- Lewis, P. V. (1985). Defining 'business ethics': Like nailing jello to a wall. *Journal of Business Ethics*, 4(5), 377-383.
- Loeb, S. E. (1991). The evaluation of "outcomes" of accounting ethics education. *Journal of Business Ethics*, 10(2), 77-84.
- MahdaviKhou, M., & Khotanlou, M. (2012). New approach to teaching of ethics in accounting "introducing Islamic ethics into accounting education". *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 46, 1318-1322.
- Mai Thị Quỳnh Như. (2019). *Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Kế toán tại các trường Đại học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng* <https://kketoan.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/132/3026/bai-viet-ths-mai-thi-quynh-nhu-cac-nhan-to-anh-huong-den-nhan-thuc-ve-dao-duc-nghe-nghiep-cua-sinh-vien-nganh-ke-toan-tai-cac-truong-dai-hoc-tren-dia-ban-thanh-pho-da-nang>
- Nguyễn Hoàng Ánh. (2009). Đạo đức kinh doanh tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, 7(159), 51-63.
- Nguyễn Hoàng Lan. (2004). Doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật*, 20(4), 69-81.
- Nguyen, L. D., Mujtaba, B. G., Tran, C. N., & Tran, Q. H. (2013). SUSTAINABLE GROWTH AND ETHICS: A Study of Business Ethics in Vietnam between Business Students and

- Working Adults. *The South East Asian Journal of Management*, 7(1), 41.
- Nguyễn Thị Phương, & Trần Thị Diễm Thúy. (2020). *Thực trạng nhận thức về đạo đức kinh doanh của sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh* <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-nhan-thuc-ve-dao-duc-kinh-doanh-cua-sinh-vien-khoa-kinh-te-truong-dai-hoc-an-giang-dai-hoc-quoc-gia-tp-ho-chi-minh-71466>
- Onyebuchi, V. N. (2011). Ethics in accounting. *International Journal of Business and Social Science*, 2(10).
- Phạm Xuân Thành, Trần Việt Hùng, Trần Thị Cẩm Hồng, Vũ Thị Thủy, & Phạm Thị Bích Hằng. (2019). *Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường* <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/dao-duc-kinh-doanh-va-trach-nhiem-xa-hoi-cua-doanh-nghiep-trong-nen-kinh-te-thi-truong-315658>
- Pusti, A. (2017). Comparison of Perception of Ethics Among the Accounting Professionals, Accounting Educators and Accounting Students. *International Journal of Business Ethics in Developing Economies*, 6(1), 41.
- Rahman, A. R. A. (2003). Ethics in accounting education: contribution of the Islamic principle of Maslahah. *International Journal of Economics, Management and Accounting*, 11(1).
- Royae, R., Ahmadi, S. A., & Jari, A. (2013). Students' and faculty members' perceptions of the importance of business ethics and accounting ethics education: Iranian case. *Asian Journal of Business Ethics*, 2(2), 163-171.
- Salimi, A. Y., Kornelus, A., & Abo-Hebeish, A. (2016). Improvement in Accounting Students' Perception and Judgment on Ethical Issues as They Progress Through the Accounting Curriculum. *Journal of Higher Education Theory and Practice*, 16(3), 51.
- Smith, L. M. (1993). Teaching ethics: An update - Part II. *Strategic Finance*, 74(10), 18.
- Stevens, R. E., Harris, O. J., & Williamson, S. (1993). A comparison of ethical evaluations of business school faculty and students: A pilot study. *Journal of Business Ethics*, 12(8), 611-619.
- Thomas, S. (2012). Ethics and accounting education. *Issues in Accounting Education*, 27(2), 399-418.
- Wiley, C. (1995). The ABC's of business ethics: Definitions, philosophies and implementation. *Industrial Management*, 37(1).